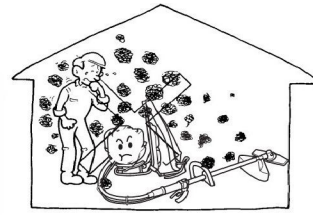
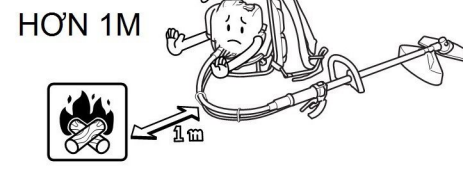


1. HƯỚNG DẪN AN TOÀN

KHÔNG DỪNG TRONG NHÀ



TRÁNH XA VẬT LIỆU DỄ CHÁY



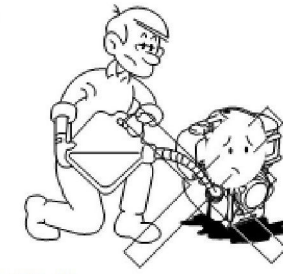
KHÔNG HÚT THUỐC KHI CHÂM NHIÊN LIỆU



TẮT MÁY KHI CHÂM NHIÊN LIỆU



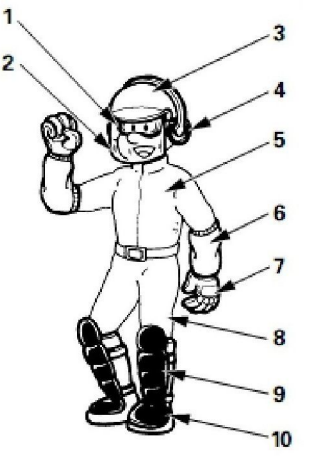
KHÔNG CHÂM TRẦN NHIÊN LIỆU



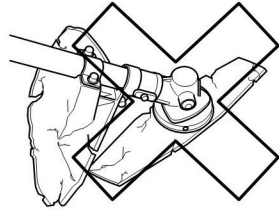
Dung tích bình xăng: 0.63 lít

ĐEO KÍNH VÀ DỤNG CỤ BẢO VỆ

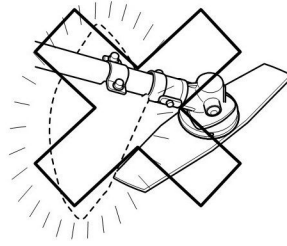
1. Kính
2. Mặt nạ che
3. Nón bảo hiểm
4. Nút bịt tai
5. Áo dài tay
6. Dụng cụ bao bọc cánh tay
7. Bao tay
8. Quần dài
9. Dụng cụ bảo hộ chân
10. Giày bảo hộ



KHÔNG KHỞI ĐỘNG KHI PHÁT HIỆN HƯ HỎNG, VẾT NÚT HAY LÔNG ỐC



KHÔNG KHỞI ĐỘNG NẾU THIẾU BỘ TẮM CHÂN BẢO VỆ



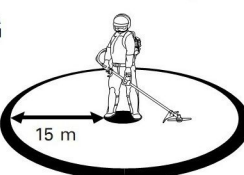
TRƯỚC KHI KHỞI ĐỘNG ĐỘNG CƠ, KIỂM TRA XEM LƯỚI CẮT ĐÃ NÂNG LÊN KHỎI MẶT ĐẤT HAY CHƯA



DỌN DỆP ĐỒ RƠI VẢI



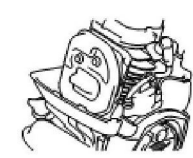
CÁCH XA NGƯỜI VÀ ĐỘNG VẬT 15M



KHÔNG CHẠM VÀO CHO ĐÈN KHI NGỪNG HOẠT ĐỘNG



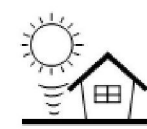
KHÔNG CHẠM VÀO BỘ LỬA KHI ĐỘNG CƠ CÒN NÓNG



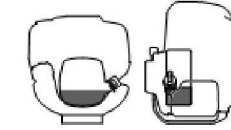
2. KIỂM TRA TRƯỚC KHI VẬN HÀNH

KIỂM TRA MỨC NHỚT

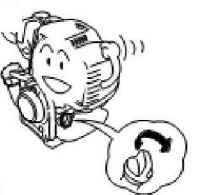
Đảm bảo máy đặt trên bề mặt phẳng và động cơ ngừng hoạt động



1. Kiểm tra mức nhớt trên bề mặt phẳng



2. Châm nhớt đầy đến cổ nhớt (nhớt vừa chớm tràn). Dung tích nhớt 0.1 lít



SỬ DỤNG NHỚT ĐỘNG CƠ 4 THỊ SAE30, 10W-30 API SE HOẶC CAO HƠN

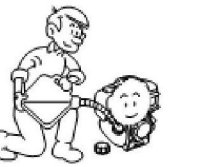


MỨC NHIÊN LIỆU



1. Kiểm tra mức nhiên liệu từ bên ngoài của bình nhiên liệu

2. Nếu mức nhiên liệu thấp, đổ đầy nhiên liệu



Mức nhiên liệu đầy

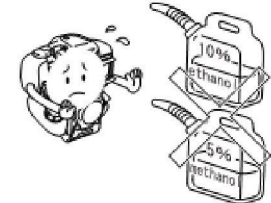


(Dung tích bình nhiên liệu 0.63 lít)

Không được sử dụng hỗn hợp xăng/nhớt hay xăng bản



Không dùng xăng chứa hơn 10% ethanol
Không dùng xăng chứa hơn 5% methanol



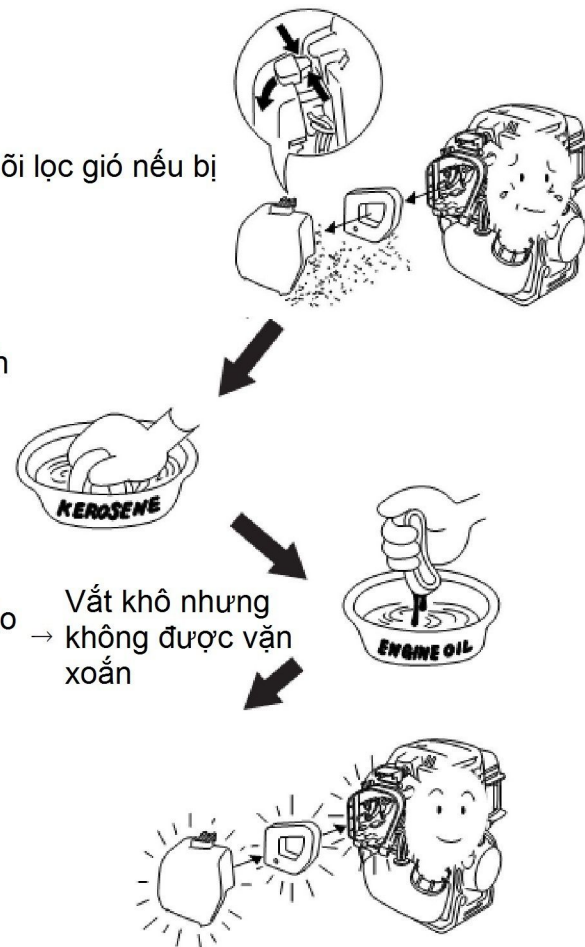
BỘ LỌC GIÓ



1. Kiểm tra độ bẩn của bộ lọc gió

2. Vệ sinh lõi lọc gió nếu bị bẩn

Giặt sạch

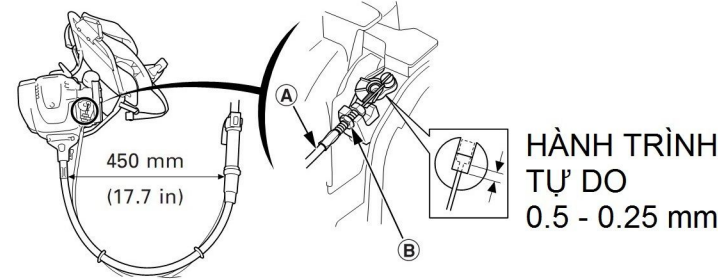


Nhúng vào nhớt

Vắt khô nhưng không được vắn xoắn

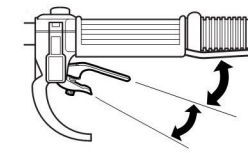
(A): Dây cáp ga

(B): Đai ốc điều chỉnh

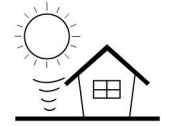


1. Uốn cong trục mềm như hình vẽ và kiểm tra hành trình tự do bằng đai ốc điều chỉnh và đai ốc cố định.

2. Kiểm tra hoạt động của cò ga.



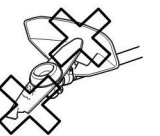
LƯỚI ĐAO CẮT



1. Kiểm tra siết chặt các bulong và ốc vít nếu bị lỏng



2. Kiểm tra lưới cắt không bị nứt, khía, cong hay mòn. Thay mới nếu thấy cần thiết



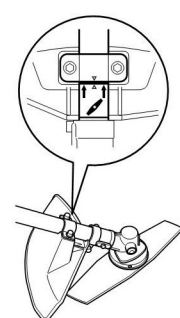
TẮM CHÂN AN TOÀN



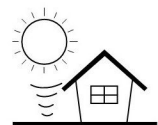
1. Kiểm tra các bulong lắp tấm chắn an toàn, siết chặt nếu thấy lỏng

2. Kiểm tra hư hỏng tấm chắn an toàn. Thay mới nếu cần

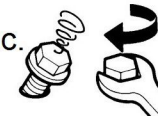
3. Cố định vị trí và hướng của tấm chắn an toàn như hình vẽ



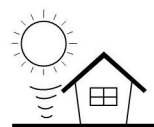
VẮN CHẶT BULONG VÀ ĐAI ỐC



1. Kiểm tra các bulong và đai ốc. Siết chặt lại nếu thấy lỏng



CỤM CƠ CẤU NHÀ NHANH



1. Nhấn nút nhà và kiểm tra xem dây đeo có nhà được hay không

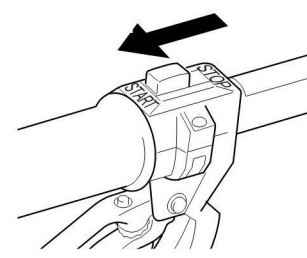
2. Đảm bảo cụm cơ cấu nhà nhanh hoạt động tốt



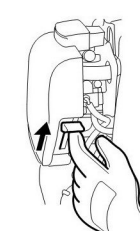
3. KHỞI ĐỘNG MÁY

Trước khi khởi động máy, kiểm tra đảm bảo lưới cắt không chạm đất

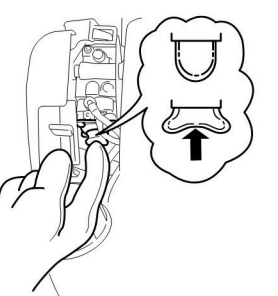
1. Bật công tắc máy sang vị trí "START".



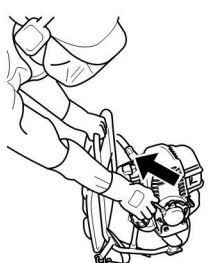
2. Nếu khởi động máy lạnh, gạt cần e gió sang vị trí đóng



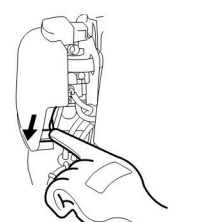
3. Nhấn vào bơm mỗi vài lần cho đến khi nhiên liệu điền đầy.



4. Kéo nhẹ dây giật cho đến khi cảm thấy lực cản, sau đó giật mạnh.

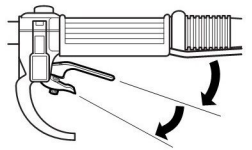


5. Gạt cần e gió sang vị trí mở nếu đã đóng.

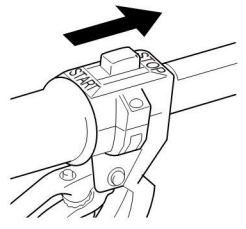


4. NGỪNG MÁY

1. Nhả cần ga

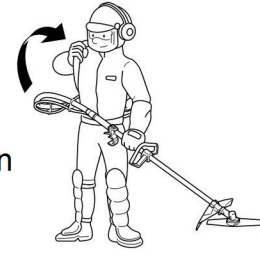


2. Bật công tắc máy sang vị trí "STOP"



5. HOẠT ĐỘNG

1. Đeo dây đai vào vai

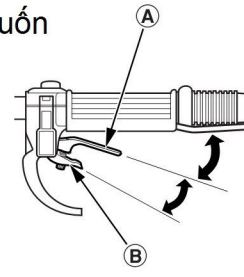


Điều chỉnh dây đai cho vừa vặn

2. Giữ tay cầm như hình vẽ



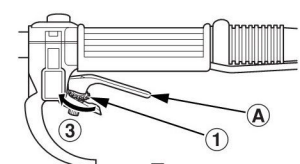
3. Kéo cần ga đến vị trí mong muốn



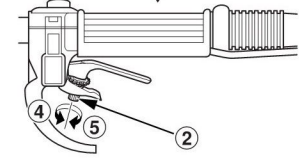
(A): Bạn có thể điều khiển được tốc độ quay

(B): Bạn cũng có thể tăng tốc độ hơn nữa so với tốc độ đã đạt được bằng cách kéo mạnh (A)

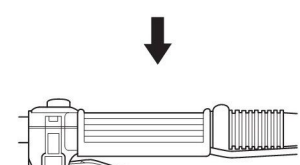
4. Nếu bạn muốn thay đổi tốc độ quay bằng cách kéo (A), hãy nới lỏng đai ốc khóa (1) và điều chỉnh núm (2), sau đó siết chặt lại đai ốc khóa (1).



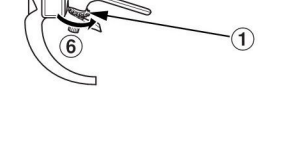
(3): Nới lỏng



(4): Cao



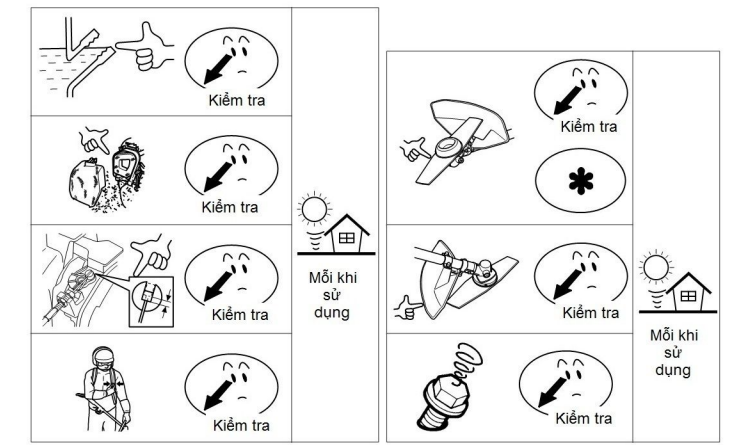
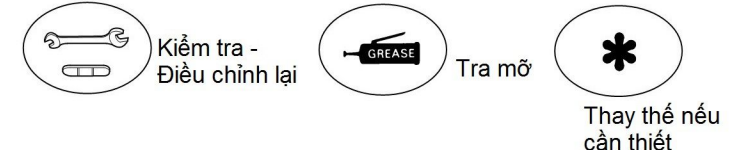
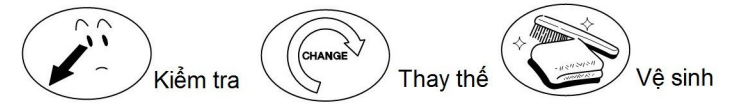
(5): Thấp



(6): Siết chặt

6. BẢO DƯỠNG

LỊCH TRÌNH BẢO DƯỠNG



-17-

-18-

-19-

-20-

Mỗi 25 giờ	Mỗi 25 giờ	Mỗi 100 giờ	Mỗi 100 giờ	Mỗi 100 giờ	Mỗi 100 giờ
Thay nhớt	Thay nhớt	Thay nhớt	Thay nhớt	Thay nhớt	Thay nhớt
Mỗi 50 giờ tiếp theo	Mỗi 50 giờ tiếp theo	Mỗi 50 giờ tiếp theo	Mỗi 50 giờ tiếp theo	Mỗi 50 giờ tiếp theo	Mỗi 50 giờ tiếp theo
Mỗi 300 giờ	Mỗi 300 giờ	Mỗi 300 giờ	Mỗi 300 giờ	Mỗi 300 giờ	Mỗi 300 giờ
Chỉnh tốc	Chỉnh tốc	Chỉnh tốc	Chỉnh tốc	Chỉnh tốc	Chỉnh tốc
Mỗi 50 giờ	Mỗi 50 giờ	Mỗi 50 giờ	Mỗi 50 giờ	Mỗi 50 giờ	Mỗi 50 giờ
Bơm mỡ	Bơm mỡ	Bơm mỡ	Bơm mỡ	Bơm mỡ	Bơm mỡ
Mỗi 30 giờ	Mỗi 30 giờ	Mỗi 30 giờ	Mỗi 30 giờ	Mỗi 30 giờ	Mỗi 30 giờ
Bơm mỡ	Bơm mỡ	Bơm mỡ	Bơm mỡ	Bơm mỡ	Bơm mỡ

(1) Những mục này nên được thực hiện bởi đại lý ủy quyền của Honda.

(2) Những chi tiết hao mòn này cần phải được thay thế nếu cần thiết, cho dù chúng mới được sử dụng một thời gian ngắn.

THAY NHỚT

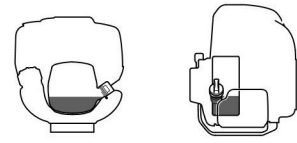
1. Tháo que thăm nhớt



2. Xả nhớt bằng cách nghiêng máy

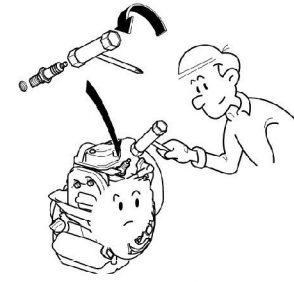


3. Đổ nhớt đầy đến cổ nhớt

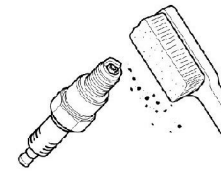


BUGI

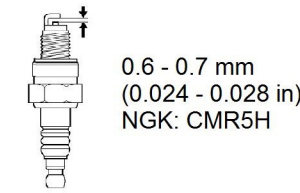
1. Tháo bugi



2. Làm sạch cặn

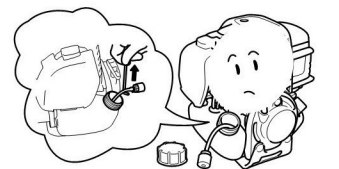


3. Đo khe hở bugi



0.6 - 0.7 mm
(0.024 - 0.028 in)
NGK: CMR5H

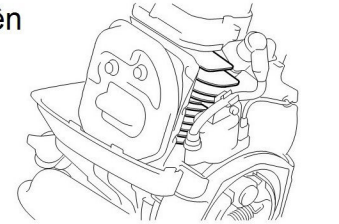
3. Kéo lọc nhiên liệu ra ngoài và vệ sinh



4. Xả nước và phần dơ đóng lại trong bình nhiên liệu bằng cách xúc rửa bên trong

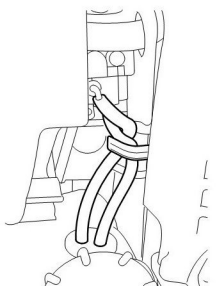
CẢNH TÂN NHIỆT

1. Kiểm tra bụi bẩn bám trên cánh tản nhiệt



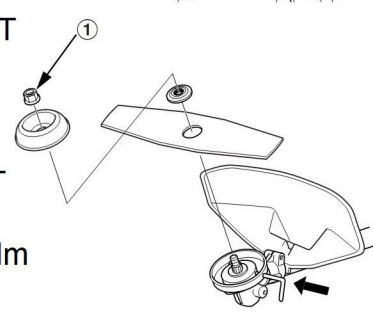
ỐNG NHIÊN LIỆU

1. Kiểm tra độ mòn của ống nhiên liệu



THAY LƯỚI CẮT

(1) ĐAI ỐC LƯỚI CẮT (ren ngược)
MOMEN XOẮN: 24 Nm



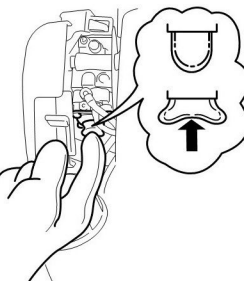
-25-

7. LƯU TRỮ

1. Xả hết xăng trong bình nhiên liệu



2. Nhấn bơm mỗi vài lần và xả sạch nhiên liệu trong thùng nhiên liệu lần nữa



3. Tháo que thăm nhớt và xả sạch nhớt

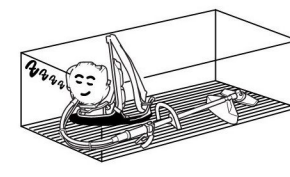


-26-

4. Đổ nhớt đầy đến cổ nhớt



5. Lưu trữ máy ở nơi sạch sẽ



-27-

8. SỰ CỐ THÔNG THƯỜNG

MÁY KHÔNG KHỞI ĐỘNG

1. Kiểm tra nhiên liệu từ phía ngoài của bình nhiên liệu



2. Kiểm tra nhiên liệu trong bơm mỗi bằng cách nhấn bơm mỗi vài lần

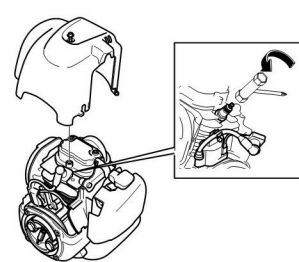
OK

KHỞI ĐỘNG LẠI

-28-

↓ KHÔNG

THAY BUGI



Lau sạch lắp vào hoặc thay bugi

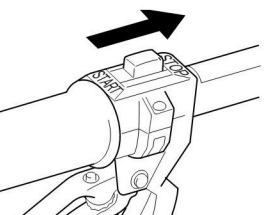
Nếu máy vẫn không khởi động được vui lòng mang máy đến đại lý ủy nhiệm của Honda



-29-

MÁY CẮT CỎ RUNG ĐỘNG BẤT THƯỜNG

1. Dừng máy ngay lập tức



2. Kiểm tra lưỡi cắt và các đai ốc lắp (xem trang 13)

Nếu không có máy, vui lòng mang máy đến đại lý ủy nhiệm của Honda



-30-

8. THÔNG SỐ KỸ THUẬT

ĐỘNG CƠ	Loại máy	HONDA GX35
	Kiểu máy	4 thì, 1 xilanh, cam treo
	Dung tích xilanh	35.8 cc
	Đường kính x hành trình piston	39.0 x 30.0 mm
	Công suất cực đại (SAE J607a)	1.2 kW (1.6 mã lực) / 7000 v/p
	Công suất cực đại (SAE J1349)*	1.0 kW (1.4 mã lực) / 7000 v/p
	Tỉ số nén	8.0 : 1
	Kiểu đánh lửa	Transito từ tính (IC)
	Loại bugi	CMR5H(NGK)
	Góc đánh lửa	27 ± 2° BTDC
CÁN CẮT CỎ	Bộ chế hòa khí	Kiểu màng chắn
	Lọc gió	Lọc khô
	Kiểu bôi trơn	Bơm phun sương
	Kiểu khởi động	Bằng tay
ĐẶC ĐIỂM	Dung tích bình nhiên liệu	0.63 lít
	Dung tích nhớt	0.1 lít
	Loại nhiên liệu	Xăng không chì có chỉ số octan 92 trở lên
	Kiểu liên kết truyền động	Bộ ly hợp khô
THÔNG SỐ LẮP ĐẶT	Truyền lực chính	Trục mềm
	Kiểu điều chỉnh	Kiểu bíp cò
	Đường kính lưỡi cắt	305 mm
	Vòng quay lưỡi cắt	5250v/p (*)
KÍNH BẢO HỘ	Kiểu cán cắt cỏ	Mang lưng
	Dây đeo	Dây đeo
TẮM CHÂN AN TOÀN	Kiểu	Có
	Kích thước phụ bì (DxRxC)	2838 x 299 x 462 (mm)
TỔNG TRỌNG LƯỢNG	Kiểu	Có
	Tổng trọng lượng	10 Kg

(*): Khi động cơ ở 7000 v/p
Ghi chú: mọi vài thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không được thông báo trước

-31-

GHI CHÚ

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

-32-